

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
HỘI ĐỒNG THI NĂNG NGẠCH

KẾT QUẢ THI NĂNG NGẠCH KIỂM LÂM VIÊN LÊN KIỂM LÂM VIÊN CHÍNH NĂM 2009

(Kèm theo Quyết định số 265/QĐ-BNN-TCCB ngày 01/02/2010)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Cơ quan, đơn vị đang công tác		Quản lý Nhà nước	Nghiệp vụ Kiểm lâm	Tin học	Ngoại ngữ	Ghi chú	
			Nam	Nữ	Điểm	Điểm	Điểm	Điểm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Mạnh Dân	30.8.1960			Bảo tồn thiên nhiên Hang Kia - Pà Cò - HB	55	71	100	61	Đạt
2	Bùi Văn Hùng	31.3.1965			Bảo tồn thiên nhiên Ngọc Sơn - Hoà Bình	55	60	88	Miễn	Đạt
3	Nguyễn Mỹ Bảy	25.9.1959			Chi Cục kiểm lâm Hoà Bình	55	75	100	Miễn	Đạt
4	Bùi Thị Đệ	15.7.1959			Chi Cục kiểm lâm Hoà Bình	55	72	84	Miễn	Đạt
5	Lê Minh Thuý	14.12.1968			Chi Cục kiểm lâm Hoà Bình	60	60.5	92	62	Đạt
6	Bùi Văn Tường	15.8.1956			Chi Cục kiểm lâm Hoà Bình	60	60.5	100	Miễn	Đạt
7	Nguyễn Đăng Bạt	29.10.1959			Hạt Kiểm lâm Lương Sơn - Hoà Bình	45	74	92	59	Không Đạt
8	Hoàng Văn Miên	07.01.1965			Hạt Kiểm lâm Thanh Liêm - Hà Nam	70	75	100	61	Đạt
9	Đỗ Mạnh Hùng	27.01.1963			Chi cục Kiểm lâm Hà Nam	55	70	84	70	Đạt
10	Hoàng Hồng Hải	20.10.1953			Chi cục Kiểm lâm Bắc Giang	55	60	96	Miễn	Đạt
11	Nguyễn Đức Lâm	09.5.1970			Chi cục Kiểm lâm Bắc Giang	60	75	100	71	Đạt
12	Hà Minh Quý	06.3.1969			Chi cục Kiểm lâm Bắc Giang	55	82	100	61	Đạt
13	Nguyễn Duy Thịnh	06.6.1960			Chi cục Kiểm lâm Bắc Giang	70	58	92	67	Đạt
14	Nguyễn Văn Chiến	25.7.1957			Chi Cục Kiểm lâm Hà Giang	55	63.5	100	Miễn	Đạt
15	Hoàng Xuân Núi	28.4.1953			Chi Cục Kiểm lâm Hà Giang	65	74	96	Miễn	Đạt
16	Hoàng Xuân Quý	14.4.1959			Chi Cục Kiểm lâm Hà Giang	80	60	96	Miễn	Đạt
17	Hoàng Văn Tuệ	15.5.1958			Chi Cục Kiểm lâm Hà Giang	55	56	92	Miễn	Đạt
18	Trần Mai Phong	27.12.1963			Đội KL cơ động PCCC rừng 1- Hà Giang	70	81	92	Miễn	Đạt
19	Nguyễn Thanh	15.12.1953			Đội KL cơ động PCCC rừng 1- Hà Giang	60	68	92	Miễn	Đạt
20	Nguyễn Trung Tấn	26.4.1960			Hạt Kiểm lâm Du Già - Hà Giang	55	65.5	72	Miễn	Đạt
21	Bùi Văn Đông	02.02.1965			Hạt Kiểm lâm Bắc Quang - Hà Giang	55	72	96	Miễn	Đạt
22	Dương Việt Nghĩa	18.12.1968			Hạt Kiểm lâm Thị xã Hà Giang - Hà Giang	55	79	96	Miễn	Đạt
23	Nguyễn Bá Ngọc	10.02.1972			Hạt Kiểm lâm Quang Bình - Hà Giang	70	80	96	Miễn	Đạt
24	Nông Đức Thành	13.3.1962			Hạt Kiểm lâm Vị Xuyên - Hà Giang	65	55.5	80	Miễn	Đạt
25	Nguyễn Tiến Lâm	1973			Chi cục Kiểm lâm Hà Nội	55	71	92	60	Đạt
26	Lê Hiếu Văn	1975			Chi cục Kiểm lâm Hà Nội	70	64.5	100	70	Đạt
27	Nguyễn Sỹ Lương	17.7.1971			Chi Cục Kiểm lâm Hà Tĩnh	55	70	100	64	Đạt

Handwritten signature

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Cơ quan, đơn vị đang công tác		Quản lý Nhà nước	Nghiep vụ Kiểm lâm	Tin học	Ngoại ngữ	Ghi chú		
			Nam	Nữ						Điểm	Điểm
			4	5						7	8
28	Nguyễn Công Quân	11.4.1958		Chi cục kiểm lâm Hải Dương	70	81	92	66	Đạt		
29	Bùi Văn Thăng	01.9.1972		Chi cục kiểm lâm Hải Dương	70	74	96	64	Đạt		
30	Lê Khả Sơn	21.3.1968		Hạt kiểm lâm TP Hải Dương	70	69	96	69	Đạt		
31	Phạm Hữu Huệ	06.02.1960		Chi Cục Kiểm lâm Hải Phòng	55	74	92	62	Đạt		
32	Nguyễn Tự Lập	10.9.1954		Chi Cục Kiểm lâm Hải Phòng	60	70	92	Miễn	Đạt		
33	Bùi Văn Nho	04.02.1960		Chi Cục Kiểm lâm Hải Phòng	55	70	84	59	Đạt		
34	Vũ Văn Liệu	08.6.1960		Chi cục kiểm lâm Hưng Yên	75	60	92	68	Đạt		
35	Hoàng Quang Chính	06.8.1957		Chi Cục Kiểm lâm Lạng Sơn	65	74	100	Miễn	Đạt		
36	Vũ Ngọc Hùng	27.12.1956		Chi Cục Kiểm lâm Lạng Sơn	55	65	80	Miễn	Đạt		
37	Lê Đức Minh	12.02.1956		Chi Cục Kiểm lâm Lạng Sơn	55	74	88	Miễn	Đạt		
38	Hoàng Xuân Ngoan	15.6.1960		Chi Cục Kiểm lâm Lạng Sơn	55	69	88	Miễn	Đạt		
39	Lương Ngọc Ngọc	26.10.1956		Chi Cục Kiểm lâm Lạng Sơn	70	90	84	Miễn	Đạt		
40	Hoàng Đình Sỹ	19.4.1960		Chi Cục Kiểm lâm Lạng Sơn	60	60.5	76	Miễn	Đạt		
41	Lương Công Hoàn	09.7.1959		Chi Cục kiểm lâm Lào Cai	60	70	84	Miễn	Đạt		
42	Nguyễn Thị Lan		24.10.1961	Chi Cục kiểm lâm Lào Cai	55	79	92	Miễn	Đạt		
43	Nguyễn Duy Thịnh	28.4.1972		Chi Cục kiểm lâm Lào Cai	70	63	96	64	Đạt		
44	Vương Quảng Châu	26.5.1966		Chi cục Kiểm lâm Lào Cai - Lào Cai	65	77.5	100	69	Đạt		
45	Phạm Thành	27.7.1955		Hạt Kiểm lâm Bào Yên - Lào Cai	60	60.5	100	65	Đạt		
46	Ma Văn Tốt	17.12.1958		Hạt Kiểm lâm Mường Khương - Lào Cai	75	64.5	96	Miễn	Đạt		
47	Lê Văn Bồn	30.12.1969		Hạt Kiểm lâm Sa Pa - Lào Cai	55	83	100	70	Đạt		
48	Trần Ngọc Chính	06.9.1960		Chi Cục kiểm lâm Nghệ An	70	76	100	70	Đạt		
49	Nguyễn Đức Cơ	02.01.1957		Chi Cục kiểm lâm Nghệ An	60	65	100	69	Đạt		
50	Nguyễn Văn Ngoan	19.6.1960		Chi Cục kiểm lâm Nghệ An	70	71.5	88	62	Đạt		
51	Phan Tuấn Ngũ	28.11.1957		Chi Cục kiểm lâm Nghệ An	70	76	92	63	Đạt		
52	Nguyễn Anh Tuấn	02.6.1966		Chi Cục kiểm lâm Nghệ An	70	69	100	71	Đạt		
53	Phạm Văn Thái	25.4.1963		Đội Kiểm lâm cơ động số 3 - Nghệ An	55	64.5	100	66	Đạt		
54	Đình Nho Trọng	30.9.1956		Hạt Kiểm lâm Anh Sơn - Nghệ An	60	60.5	72	Miễn	Đạt		
55	Lê Quang Hợp	20.10.1955		Hạt Kiểm lâm Con Cuông - Nghệ An	55	70	96	Miễn	Đạt		
56	Nguyễn Minh Tâm	02.9.1958		Hạt Kiểm lâm Kỳ Sơn - Nghệ An	60	79	92	Miễn	Đạt		
57	Bùi Quang Nam	28.5.1957		Hạt Kiểm lâm Nam Đàn - Nghệ An	70	72	96	69	Đạt		
58	Nguyễn An Ninh	24.6.1964		Hạt Kiểm lâm Nghi Lộc - Nghệ An	70	74	96	66	Đạt		
59	Nguyễn Trọng Lễ	29.11.1963		Hạt Kiểm lâm Quế Phong - Nghệ An	70	65	96	Miễn	Đạt		
60	Thái Ngô Cường	20.11.1964		Hạt Kiểm lâm Quỳnh Châu - Nghệ An	60	74	100	Miễn	Đạt		

Handwritten signature

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Cơ quan, đơn vị đang công tác		Quản lý Nhà nước	Nghị vụ Kiểm lâm	Tin học	Ngoại ngữ	Ghi chú				
			Năm	Nữ	Điểm	Điểm	Điểm	Điểm					
1	2	3	4	5	6				7	8	9	10	11
61	Lê Đình Bầy	19.5.1964			Hạt Kiểm lâm Quỳnh Lưu - Nghệ An	55	75	88	Miễn				Đạt
62	Hồ Văn Thành	03.02.1964			Hạt Kiểm lâm Tân Kỳ - Nghệ An	65	64	88	66				Đạt
63	Nguyễn Thế Ngọc	09.8.1960			Hạt Kiểm lâm Thanh Chương - Nghệ An	65	62.5	100	72				Đạt
64	Võ Minh Đậu Văn	25.8.1962			Hạt Kiểm lâm Yên Thành - Nghệ An	65	77.5	92	66				Đạt
65	Đậu Văn Các	05.01.1964			Hạt Kiểm lâm Tam Điệp	65	65	88	72				Đạt
66	Đỗ Văn Chính	04.4.1957			Chi cục kiểm lâm Ninh Bình	55	75	96	73				Đạt
67	Vũ Nguyễn Mỹ	09.10.1966			Chi cục kiểm lâm Ninh Bình	55	84	100	72				Đạt
68	Trần Thanh Tâm	22.4.1964			Hạt kiểm lâm Phú Thọ	65	74.5	80	69				Đạt
69	Trần Ngọc Cường	17.6.1970			Chi cục Kiểm lâm Phú Thọ	75	74	96	Miễn				Đạt
70	Đỗ Ngọc Đoàn	02.4.1967			Chi cục Kiểm lâm Phú Thọ	55	65	92	Miễn				Đạt
71	Trần Xuân Mão	24.3.1958			Chi cục Kiểm lâm Phú Thọ	65	80	92	Miễn				Đạt
72	Đỗ Văn Nhíp	26.5.1954			Chi cục Kiểm lâm Phú Thọ	70	79	96	Miễn				Đạt
73	Hoàng Trung Văn	04.3.1968			Chi cục Kiểm lâm Phú Thọ	70	69	92	Miễn				Đạt
74	Hoàng Đình Luyện	20.6.1959			Hạt Kiểm lâm Phú Lâm - Phú Thọ	70	67	96	Miễn				Đạt
75	Đinh Công Ninh	25.10.1958			Hạt Kiểm lâm Tân Sơn - Phú Thọ	60	70	88	Miễn				Đạt
76	Hoàng Kim Ánh	08.3.1957			Hạt Kiểm lâm Thanh Ba - Phú Thọ	45	69	96	59				Không Đạt
77	Trần Quốc Toàn	12.01.1954			Hạt Kiểm lâm Thanh Sơn - Phú Thọ	55	69	96	Miễn				Đạt
78	Đỗ Hữu Thăng	30.11.1955			Hạt Kiểm lâm Thanh Thủy - Phú Thọ	55	66	96	60				Đạt
79	Nguyễn Văn Mỹ	12.8.1959			Hạt Kiểm lâm Việt Trì - Phú Thọ	55	65	84	65				Đạt
80	Bùi Văn Trường	03.3.1960			Hạt Kiểm lâm Việt Trì - Phú Thọ	70	66	100	65				Đạt
81	Phùng Văn Bằng	10.9.1953			Chi Cục Kiểm lâm Quảng Bình	55	71	100	Miễn				Đạt
82	Trần Văn Duyệt	21.5.1960			Chi Cục Kiểm lâm Quảng Bình	55	77.5	100	57				Đạt
83	Phạm Hồng Thái	07.3.1967			Chi Cục Kiểm lâm Quảng Bình	60	61	80	64				Đạt
84	Nguyễn Văn Khuyên	02.5.1966			Chi cục kiểm lâm Quảng Ninh	60	74	96	Miễn				Đạt
85	Mạc Văn Xuyên	05.6.1964			Chi cục kiểm lâm Quảng Ninh	70	73.5	100	Miễn				Đạt
86	Từ Tú Bảnh	04.3.1962			Đội kiểm lâm cơ động PCCR 1- Quảng Ninh	55	65	88	Miễn				Đạt
87	Hà Duy Khiển	20.8.1960			Hạt kiểm lâm Đầm Hà - Quảng Ninh	55	75	88	Miễn				Đạt
88	Đỗ Văn Quyền	26.3.1960			Hạt kiểm lâm Tiên Yên - Quảng Ninh	60	70	100	Miễn				Đạt
89	Nguyễn Đức Nguyễn	24.5.1958			Chi cục Kiểm lâm Thái Nguyên	70	60	96	59				Đạt
90	Nguyễn Hoàng Thương	19.7.1959			Chi cục Kiểm lâm Thái Nguyên	80	60.5	96	Miễn				Đạt
91	Hà Văn Mùi	01.5.1961			Hạt Kiểm lâm Định Hoá - Thái Nguyên	55	60	92	Miễn				Đạt
92	Đỗ Đức Thịnh	16.6.1956			Hạt Kiểm lâm Đồng Hỷ - Thái Nguyên	65	66	100	58				Đạt
93	Dương Ngọc Phú	13.8.1960			Hạt Kiểm lâm Phú Bình - Thái Nguyên	60	70	96	63				Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Cơ quan, đơn vị đang công tác		Quản lý Nhà nước	Nghiep vụ Kiểm lâm	Tin học	Ngoại ngữ	Ghi chú	
			Nam	Nữ						
			Điểm	Điểm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
94	Nguyễn Bảo	Anh	11.3.1963		Chi Cục Kiểm lâm Tuyên Quang	70	80	92	Miễn	Đạt
95	Phạm Văn	Hạnh	05.8.1955		Chi Cục Kiểm lâm Tuyên Quang	55	75	84	Miễn	Đạt
96	Phạm Hồng	Lưu	05.9.1959		Chi Cục Kiểm lâm Tuyên Quang	65	74	92	Miễn	Đạt
97	Vũ Đình	Tài	19.8.1956		Chi Cục Kiểm lâm Tuyên Quang	65	74.5	96	Miễn	Đạt
98	Phạm Ngọc	Thoan	05.01.1961		Chi Cục Kiểm lâm Tuyên Quang	65	69	100	Miễn	Đạt
99	Nguyễn Đức	Tưng	01.9.1957		Chi Cục Kiểm lâm Tuyên Quang	55	69	96	Miễn	Đạt
100	Lê Ngọc	Vân	25.7.1955		Chi Cục Kiểm lâm Tuyên Quang	70	67.5	92	Miễn	Đạt
101	Trần Văn	Dũng	25.6.1959		Hạt Kiểm lâm Na Hang - Tuyên Quang	60	69	84	Miễn	Đạt
102	Ma Thế	Hải	07.10.1972		Hạt Kiểm lâm Na Hang - Tuyên Quang	55	75	84	Miễn	Đạt
103	Hoàng Văn	Kiến	12.5.1964		Hạt Kiểm lâm Na Hang - Tuyên Quang	60	74	88	Miễn	Đạt
104	Quan Văn	Tuệ	26.12.1959		Hạt Kiểm lâm Na Hang - Tuyên Quang	55	58	100	Miễn	Đạt
105	Trần Văn	Xuân	20.8.1966		Hạt Kiểm lâm Na Hang - Tuyên Quang	80	59.5	100	Miễn	Đạt
106	Vũ Ngọc	Trực	02.12.1959		Hạt Kiểm lâm Sơn Dương - Tuyên Quang	55	64	100	Miễn	Đạt
107	Lê Xuân	Tuấn	15.11.1959		Hạt Kiểm lâm Sơn Dương - Tuyên Quang	55	60.5	72	Miễn	Đạt
108	Lê Văn	Thành	19.3.1957		Hạt Kiểm lâm Tân Trào - Tuyên Quang	70	75.5	80	Miễn	Đạt
109	Nguyễn Quang	Ánh	04.10.1958		Hạt Kiểm lâm Thị xã Tuyên Quang	65	74	96	Miễn	Đạt
110	Nguyễn Liêm	Chính	30.3.1971		CQ Kiểm lâm vùng I	70	69	100	67	Đạt
111	Đào Văn	Doanh	27.8.1968		CQ Kiểm lâm vùng I	55	74	100	67	Đạt
112	Đào Văn	Mai	02.5.1962		CQ Kiểm lâm vùng I	55	74	72	60	Đạt
113	Trần Văn	Mậu	03.02.1968		CQ Kiểm lâm vùng I	60	60	92	61	Đạt
114	Vũ Việt	Trung	10.8.1958		CQ Kiểm lâm vùng I	55	64	100	60	Đạt
115	Nguyễn Văn	Hạnh	18.9.1958		CQ Kiểm lâm vùng II	55	75	96	65	Đạt
116	Nguyễn Hữu	Huân	20.5.1972		CQ Kiểm lâm vùng II	55	74	100	73	Đạt
117	Lê Duy	Hương	10.3.1972		CQ Kiểm lâm vùng II	55	74	92	72	Đạt
118	Hoàng Văn	Luyến	18.6.1966		CQ Kiểm lâm vùng II	80	80	96	67	Đạt
119	Lê Thị	Nguyệt		10.02.1968	CQ Kiểm lâm vùng II	65	74	100	76	Đạt
120	Trịnh Văn	Truyền	20.10.1958		CQ Kiểm lâm vùng II	75	70	100	60	Đạt
121	Phạm Thị	Việt		03.5.1967	CQ Kiểm lâm vùng II	55	78	96	74	Đạt
122	Trương Tất	Bạt	27.6.1963		Cục Kiểm lâm	55	65	100	68	Đạt
123	Hoàng Cao	Đăng	01.6.1961		Cục Kiểm lâm	70	66	80	71	Đạt
124	Nguyễn Thị	Hào		10.7.1960	Cục Kiểm lâm	55	75	88	Miễn	Đạt
125	Đàm Văn	Long	29.6.1963		Cục Kiểm lâm	60	65	96	64	Đạt
126	Phạm Hùng	Thắng	05.6.1959		Cục Kiểm lâm	55	69.5	96	63	Đạt

N. Giáp

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Cơ quan, đơn vị đang công tác		Quản lý Nhà nước	Nghị quyết Kiểm lâm	Tin học	Ngoại ngữ	Ghi chú	
			Nam	Nữ						Điểm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
127	Đàm Trung	Cát	25.5.1959		Hạt Kiểm lâm Hà Quảng - Cao Bằng	45	64	92	Miễn	Không Đạt
128	Vũ Đình	Thiện	28.3.1959		Hạt Kiểm lâm Lục Ngạn - Bắc Giang	65	60.5	88	57	Đạt
129	Hoàng Liên	Sơn	24.7.1968		Hạt Kiểm lâm Sơn Động - Bắc Giang	55	64	92	68	Đạt
130	Nguyễn Huy	Hùng	20.10.1969		Hạt Kiểm lâm Tân Việt Hoa - Bắc Giang	55	74	88	68	Đạt
131	Chu Bá	Nghĩa	12.5.1965		Hạt Kiểm lâm Yên Thế - Bắc Giang	75	70	96	60	Đạt
132	Vũ Hồng	Khanh	17.12.1956		Hạt Kiểm lâm Yên Minh - Hà Giang	45	80	88	Miễn	Không Đạt
133	Nguyễn Duy	Vinh	25.3.1971		Hạt Kiểm lâm Lang Chánh - Thanh Hoá	55	66	92	73	Đạt
134	Trịnh Quang	Tuấn	11.10.1967		Hạt Kiểm lâm Như Xuân - Thanh Hoá	70	58.5	96	75	Đạt
135	Quảng Văn	Bình	08.7.1956		Hạt Kiểm lâm Thuận Châu - Sơn La	55	60	100	Miễn	Đạt
136	Nguyễn Tiến	Thành	12.7.1969		Hạt Kiểm lâm Văn Yên - Yên Bái	55	69.5	92	Miễn	Đạt
137	Nguyễn Văn	Diện	12.12.1967		Vườn Quốc Gia Ba Vì	60	72	88	69	Đạt
138	Nguyễn Đức	Hậu	02.10.1963		Vườn Quốc Gia Ba Vì	65	80	96	70	Đạt
139	Đỗ Thanh	Hùng	06.2.1971		Vườn Quốc Gia Ba Vì	55	74	88	65	Đạt
140	Phạm Văn	Nhơn	15.3.1959		Vườn Quốc Gia Ba Vì	60	79	100	67	Đạt
141	Nguyễn Duy	Phú	02.10.1966		Vườn Quốc Gia Ba Vì	60	65	100	58	Đạt
142	Trần Nho	Quyết	10.11.1969		Vườn Quốc Gia Ba Vì	80	70	68	62	Đạt
143	Dương Thị	Sứu		28.02.1961	Vườn Quốc Gia Ba Vì	70	65.5	88	68	Đạt
144	Đỗ Hữu	Thế	30.10.1968		Vườn Quốc Gia Ba Vì	55	69	100	68	Đạt
145	Lê Doãn	Anh	10.3.1968		Vườn Quốc gia Bạch Mã	55	79	100	69	Đạt
146	Trần Thiện	Ăn	05.7.1967		Vườn Quốc gia Bạch Mã	65	79	100	69	Đạt
147	Huỳnh Thế	Phương	02.10.1966		Vườn Quốc gia Bạch Mã	70	79	96	65	Đạt
148	Nguyễn Ngọc	Thắng	08.02.1967		Vườn Quốc gia Bạch Mã	70	79.5	96	72	Đạt
149	Nguyễn Thị Hồng	Thiện	02.10.1963		Vườn Quốc gia Bạch Mã	65	64	88	64	Đạt
150	Vô Tường	Thứ	10.02.1966		Vườn Quốc gia Bạch Mã	75	63	92	61	Đạt
151	Lê Văn	Tự	27.02.1964		Vườn Quốc gia Bạch Mã	75	74	88	64	Đạt
152	Nguyễn Văn	Khôi	19.10.1968		Vườn Quốc gia Cúc Phương	60	80	84	68	Đạt
153	Đỗ Văn	Lập	03.3.1963		Vườn Quốc gia Cúc Phương	65	69	100	64	Đạt
154	Hà Công	Khái	19.8.1956		Vườn Quốc gia Tam Đảo	55	65	88	70	Đạt

Handwritten signature